

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Hà Nội - Tháng 8 năm 2019

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh toán hợp nhất giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	8 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội) chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 8847/QĐ-UB ngày 02/12/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100383878 đăng ký lần đầu ngày 31/3/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 21/5/2018. Vốn điều lệ của Công ty là: 144.000.000.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Ha Noi Housing Development And Investment Joint Stock Company No 6.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6A, Toà nhà Diamond Flower, 48 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Quốc Bình	Chủ tịch
Ông Vũ Tuấn Anh	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Bằng	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Chiến	Thành viên
Ông Trịnh Văn Định	Thành Viên

Ban Giám đốc

Ông Bé Ngọc Long	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Quế Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc *ky*



Bế Ngọc Long
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Số: 658/2019/BCSX-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2019, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

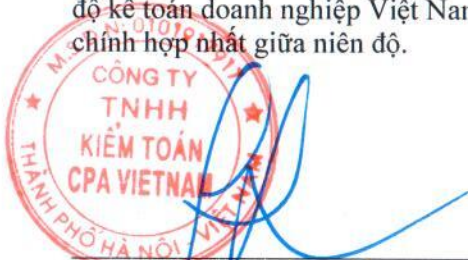
Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Phan Thanh Nam****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2019	01/01/2019
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		265.812.489.021	327.755.270.503
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	26.919.438.157	30.027.660.343
1. Tiền	111		26.919.438.157	30.027.660.343
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		147.473.337.583	151.006.319.202
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	53.852.549.971	61.724.764.480
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	34.153.233.279	32.276.569.277
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	38.467.139.954	40.787.139.954
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	39.854.297.808	35.071.728.920
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(18.853.883.429)	(18.853.883.429)
IV. Hàng tồn kho	140		81.490.778.821	140.066.181.619
1. Hàng tồn kho	141	5.7	81.490.778.821	140.066.181.619
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.928.934.460	6.655.109.339
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		574.121.807	10.983.917
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	4.354.812.653	6.644.125.422
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		415.459.559.962	367.108.221.688
II. Tài sản cố định	220		107.529.299.745	8.541.524.920
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	7.529.299.745	8.541.524.920
- Nguyên giá	222		31.618.763.339	31.164.217.884
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.089.463.594)	(22.622.692.964)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	100.000.000.000	-
- Nguyên giá	228		100.000.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	5.10	8.982.707.003	9.139.560.210
1. Nguyên giá	231		9.691.371.974	9.691.371.974
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(708.664.971)	(551.811.764)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		259.282.853.214	254.204.575.232
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	259.282.853.214	254.204.575.232
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.12	39.664.700.000	95.222.561.326
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.800.000.000	62.357.861.326
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		34.664.700.000	34.664.700.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		681.272.048.983	694.863.492.191

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2019	01/01/2019
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		472.589.366.691	511.328.522.998
I. Nợ ngắn hạn	310		182.041.350.909	215.831.887.132
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	42.049.664.280	46.069.545.533
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	17.705.886.399	10.434.427.878
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	9.384.835.594	9.711.791.347
4. Phải trả người lao động	314		686.510.907	1.537.801.331
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	1.670.065.153	1.459.557.511
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	-	21.208.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	58.075.095.917	64.002.062.873
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	49.806.745.000	78.826.745.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.662.547.659	3.768.747.659
II. Nợ dài hạn	330		290.548.015.782	295.496.635.866
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	128.178.705.551	196.275.325.635
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	117.157.310.231	91.357.310.231
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19	45.212.000.000	7.864.000.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		208.682.682.292	183.534.969.193
(400 = 410)				
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.20	208.682.682.292	183.534.969.193
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		144.000.000.000	144.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		144.000.000.000	144.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.303.275.917	1.303.275.917
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.012.428.094	16.012.428.094
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		692.922.636	692.922.636
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.940.080.523	18.754.730.334
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.741.218.403	8.336.695.337
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.198.862.120	10.418.034.997
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		1.423.176.288	1.481.128.087
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		32.310.798.834	1.290.484.125
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		681.272.048.983	694.863.492.191
(440 = 300+400)				

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thu Hằng

Dương Thị Thái Hương

Bê Ngọc Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ kế toán 6 tháng	Kỳ kế toán 6 tháng
			kết thúc ngày 30/6/2019 VND	kết thúc ngày 30/6/2018 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	107.398.137.441	110.774.057.407
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		107.398.137.441	110.774.057.407
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	83.307.183.565	77.323.272.412
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		24.090.953.876	33.450.784.995
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	6.011.744.876	3.690.232.995
7. Chi phí tài chính	22	5.24	2.440.887.808	2.655.109.870
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.440.887.808	2.655.109.870
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.25	8.807.790.717	9.392.246.717
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		18.854.020.227	25.093.661.403
12. Thu nhập khác	31	5.26	1.834.996.273	1.477.674.378
13. Chi phí khác	32	5.26	6.328.254.850	604.279.238
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.26	(4.493.258.577)	873.395.140
15. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		(1.800.000.000)	-
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		12.560.761.650	25.967.056.543
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	4.031.216.708	5.351.379.066
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		8.529.544.942	20.615.677.477
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		9.309.230.233	20.396.563.860
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.020.314.709	219.113.617
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	646,47	1.416,43

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thu Hằng

Dương Thị Thái Hương

Bế Ngọc Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ kế toán 6 tháng	Kỳ kế toán 6 tháng
		kết thúc ngày 30/6/2019 VND	kết thúc ngày 30/6/2018 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.560.761.650	25.967.056.543
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	1.415.086.848	1.405.476.471
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.011.744.876)	(3.932.551.177)
- Chi phí lãi vay	06	2.440.887.808	2.655.109.870
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	10.404.991.430	26.095.091.707
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	5.210.155.519	33.159.026.191
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	58.575.402.798	(1.060.651.012)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(130.904.757.970)	11.669.980.160
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	-	71.852.055
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.440.887.808)	(2.655.109.870)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.781.788.460)	(14.674.473.993)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.106.200.000)	(320.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(62.043.084.491)	52.285.615.238
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(140.400.000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.000.000.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(4.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	55.557.861.326	3.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	49.000.979	833.725.995
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	50.606.862.305	(306.674.005)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền thu từ đi vay	33	67.200.000.000	58.884.466.181
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(58.872.000.000)	(60.989.588.298)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(17.367.545.735)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	8.328.000.000	(19.472.667.852)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(3.108.222.186)	32.506.273.381
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	30.027.660.343	9.614.706.864
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	26.919.438.157	42.120.980.245

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thu Hằng

Dương Thị Thái Hương

Bế Ngọc Long

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội (thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội) chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 8847/QĐ-UB ngày 02/12/2004 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100383878 đăng ký lần đầu ngày 31/3/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 21/5/2018. Vốn điều lệ của Công ty là: 144.000.000.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Ha Noi Housing Development And Investment Joint Stock Company No 6.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 6A, Toà nhà Diamond Flower, 48 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động 6 tháng đầu năm năm 2019 là: 65 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư xây dựng kinh doanh phát triển nhà;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng và lắp đặt các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thể dục thể thao. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, các khu đô thị và công nghiệp, xây dựng các công trình thủy lợi và giao thông. Xây dựng lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35 KVA, xây dựng và lắp đặt các hệ thống trang thiết bị điện, cấp thoát nước thông dụng. Xây dựng và cải tạo, nâng cấp nhà để bán và cho thuê. Thi công cấp dự ứng lực và chuyên giao công nghệ thi công bê tông ứng xuất trước;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết kinh doanh khách sạn;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, cấu kiện gỗ;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: trang trí nội ngoại thất;
- Sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị chuyên ngành xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, cấu kiện gỗ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị chuyên ngành xây dựng, tổ chức quản lý vận hành khai thác khu đô thị mới và nhà chung cư do Công ty quản lý;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: lắp đặt thiết bị điện nước dân dụng, các sản phẩm cơ khí xây dựng, thang máy, các cấu kiện sắt thép;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: đào đắp đất đá, nề, mộc, bê tông sắt thép trong xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan....

Hoạt động chính của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2019: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty, đơn vị	Lĩnh vực kinh doanh chính	% sở hữu theo cam kết	% sở hữu thực tế
Công ty con			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại và Sản phẩm Bất động sản Handico 6	Thương mại và KD Bất động sản	80%	80%
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà số 6 Hạ Long	Thương mại và Kinh doanh BĐS	70%	70%
Công ty Cổ phần Tháp Hoa Kim Cương	Thương mại và hoạt động Xây Lắp	71,4%	71,4%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Hà Nội Xanh	Thương mại và KD Bất động sản	65%	65%
Công ty Liên kết			
Công ty Thương mại & Xây lắp Handico 6	Thương mại, xây dựng	30%	30%
Công ty CP Bất Động sản Land6	Kinh doanh BĐS	30%	30%
Công ty CP đầu tư bất động sản & cơ sở hạ tầng Nhân Việt	Xây dựng, BĐS	29%	29%

2. NĂM TÀI CHÍNH, KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ và ghi sổ bằng máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất là hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Công ty Mẹ được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển.

Tiền mặt, tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu chi.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009. Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều bổ sung, sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 quy định về quản lý tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất lâu dài Công ty không trích khấu hao.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019
(Số năm)

Máy móc, thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Dụng cụ quản lý, TSCĐ khác	03 - 05

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn, Công ty không trích khấu hao.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nhà cửa vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty được UBND thành phố Hà Nội giao làm đại diện chủ đầu tư quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính với tổng vốn đầu tư khoảng 794 tỷ đồng bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Toàn bộ chi phí của Dự án này được tập hợp và hạch toán vào tài khoản "Chi phí xây dựng dở dang" và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Công ty được UBND thành phố Hà Nội giao làm đại diện chủ đầu tư quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Khu Đô thị Trung Hòa - Nhân Chính với tổng vốn đầu tư khoảng 794 tỷ đồng bằng nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Toàn bộ chi phí và nguồn hình thành của Dự án này được Công ty tập hợp và hạch toán vào tài khoản “Chi phí xây dựng dở dang”, “Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản” và đang được trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu Hợp đồng xây dựng:

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện Hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cơ bản cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc phụ trách, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng 6 tháng đầu năm 2019 Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực đồng nhất, không có bộ phận hoạt động kinh doanh khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt	8.497.115.840	2.791.892.205
Tiền gửi ngân hàng	18.422.322.317	27.235.768.138
Tổng	26.919.438.157	30.027.660.343

5.2 Phải thu của khách hàng

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	53.852.549.971	61.724.764.480
Công ty CP xây dựng và Thương Mại Bắc Hà	19.429.540.600	19.429.540.600
Công ty CP Tân Phú Long	318.338.033	318.338.033
BQL Dự án Đầu tư XDCT Giao thông TP Hà Nội	6.019.629.368	6.019.629.368
Phải thu khách hàng ngắn hạn khác	28.085.041.970	35.957.256.479
Tổng	53.852.549.971	61.724.764.480

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty Cổ Phần Thiên Nhân	17.121.399.400	17.121.399.400
Công ty Cổ phần Tu tạo và Phát triển Nhà	8.969.554.775	8.969.554.775
Đối tượng khác	8.062.279.104	6.185.615.102
Tổng	34.153.233.279	32.276.569.277

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hà Nội	3.933.439.389	3.933.439.389
Công ty CP bất động sản Land 6	29.926.700.565	32.926.700.565
Các cá nhân khác	4.607.000.000	3.927.000.000
Tổng	38.467.139.954	40.787.139.954

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.5 Các khoản phải thu khác*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	39.854.297.808	(8.514.288.516)	35.071.728.920	(8.514.288.516)
Ký cược, ký quỹ	4.860.281.356	-	4.887.267.567	-
Tạm ứng	9.583.935.013	-	7.741.904.272	-
Phải thu khác	25.410.081.439	(8.514.288.516)	22.442.557.081	(8.514.288.516)
<i>Công ty Cổ phần Bất động sản Land 6</i>	<i>8.514.288.516</i>	<i>(8.514.288.516)</i>	<i>8.514.288.516</i>	<i>(8.514.288.516)</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>16.895.792.923</i>		<i>13.928.268.565</i>	
Tổng	39.854.297.808	(8.514.288.516)	35.071.728.920	(8.514.288.516)

5.6 Nợ xấu*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi	18.853.883.429	-	18.853.883.429	-
<i>Trong đó:</i>			Quá hạn trên 02 năm	Quá hạn trên 03 năm
Ban QLDA các khu công nghiệp tỉnh Hà Tây				452.393.520
Công ty CP Địa ốc 10				1.721.414.320
Công ty CP xây dựng số 1 Hà Nội				264.847.873
Công ty CP bất động sản Land 6				8.514.288.516
Đối tượng khác				7.900.939.200
Tổng				18.853.883.429

5.7 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	124.812.574	-	124.812.574	-
Chi phí SX KDDD	81.365.966.247	-	139.941.369.045	-
Tổng	81.490.778.821	-	140.066.181.619	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2019	21.055.124.097	9.752.260.453	356.833.334	31.164.217.884
Tăng trong kỳ	-	454.545.455	-	454.545.455
Tăng khác	-	454.545.455	-	454.545.455
Số dư tại 30/6/2019	21.055.124.097	10.206.805.908	356.833.334	31.618.763.339
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2019	17.952.589.779	4.313.269.851	356.833.334	22.622.692.964
Tăng trong kỳ	692.571.844	774.198.786	-	1.466.770.630
Khấu hao trong kỳ	692.571.844	565.661.797	-	1.258.233.641
Tăng khác	-	208.536.989	-	208.536.989
Số dư tại 30/6/2019	18.645.161.623	5.087.468.637	356.833.334	24.089.463.594
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2019	3.102.534.318	5.438.990.602	-	8.541.524.920
Tại 30/6/2019	2.409.962.474	5.119.337.271	-	7.529.299.745

Nguyên giá tài sản đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng đến 30/6/2019 với giá trị là: 9.130.559.778 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2019	-	-
Tăng trong kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Tăng khác (góp vốn bằng quyền sử dụng đất)	100.000.000.000	100.000.000.000
Số dư tại 30/6/2019	100.000.000.000	100.000.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 30/6/2019	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2019	-	-
Tại 30/6/2019	100.000.000.000	100.000.000.000

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài tại thửa đất: KH-E1 Khu đô thị mới Vững Dâng, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh, với diện tích 15.207 m².

5.10 Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	30/6/2019	Tăng	Giảm	01/01/2019
	VND	trong năm	trong năm	VND
		VND	VND	
a. Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	8.068.804.520	-	-	8.068.804.520
- Nhà	8.068.804.520	-	-	8.068.804.520
Giá trị hao mòn lũy kế	708.664.971	156.853.207	-	865.518.178
- Nhà	708.664.971	156.853.207	-	551.811.764
Giá trị còn lại	7.360.139.549	-	156.853.207	7.516.992.756
- Nhà	7.360.139.549	-	156.853.207	7.516.992.756
b. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá	1.622.567.454	-	-	1.622.567.454
- Nhà	1.622.567.454	-	-	1.622.567.454
Giá trị còn lại	1.622.567.454	-	-	1.622.567.454
- Nhà	1.622.567.454	-	-	1.622.567.454

5.11 Xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Dự án Đầu tư xây dựng KĐT Trung Hòa - Nhân Chính	1.438.848.234	2.359.677.777
Dự án kinh doanh của Công ty	257.844.004.980	251.844.897.455
Dự án C1 Trung Hòa - Nhân Chính	250.525.216.897	249.772.157.764
Dự án 102 Nguyễn Khuyến	202.471.365	202.471.365
Dự án C2 khu Trung Hòa - Nhân Chính	1.628.819.957	1.628.819.957
Dự án 76 Nguyễn Chí Thanh	222.670.122	222.670.122
Dự án biệt thự nghỉ dưỡng cao cấp Đà Lạt	3.075.618	3.075.618
Dự án tuyến đường ven biển theo hình thức BT tại Phú Yên	702.000	702.000
Dự án đầu tư XD Hạ tầng kỹ thuật khu biệt thự Cái Dầm	15.000.629	15.000.629
Công trình khác	5.246.048.392	-
Tổng	259.282.853.214	254.204.575.232

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	6.800.000.000		(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Công ty Cổ phần Tân Phú Long	-	-	-	-
Công ty CP đầu tư bất động sản & cơ sở hạ tầng Nhân Việt (3)	4.000.000.000	-	-	-
Công ty Thương mại & Xây lắp Handico 6	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Công ty CP Bất Động sản Land 6	1.800.000.000	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển nhà số 6 Hạ Long (1)	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn khác	34.664.700.000			
Công ty TNHH Viễn Tin HN (2)	34.664.700.000	-	-	34.664.700.000
Tổng	41.464.700.000		(1.800.000.000)	(1.800.000.000)

(*) Giá trị hợp lý: Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

(1) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 19 tháng 6 năm 2017, Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Nhà số 6 Hà Nội đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Nhà số 6 Hạ Long để thực hiện dự án Tổ hợp chung cư thương mại và biệt thự liền kề Hạ Long trên khu đất 15.207 m², tại KS-E1, khu đô thị mới Vừng Đăng, phường Yết kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, với tỷ lệ 50/50% Vốn của mỗi bên. (**): Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 8/8/2010, thỏa thuận đầu tư Dự án Tổ hợp trung tâm thương mại và Dịch vụ, trụ sở văn phòng nhà ở chung cư trên lô đất có ký hiệu HH2 Khu vực Ngòi - Cầu Trại, phường Trung Vãn, quận Nam Từ Liêm.

Tại Nghị quyết HĐQT ngày 31/12/2018, Công ty mua lại 10% cổ phần của cổ đông Nguyễn Hải Phương để tăng sở hữu số cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Nhà số 6 Hạ Long từ 50% lên 70%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.12 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(2): Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 8/8/2010, thỏa thuận đầu tư Dự án Tổ hợp trung tâm thương mại và Dịch vụ, trụ sở văn phòng nhà ở chung cư trên lô đất có ký hiệu HH2 Khu vực Ngòi- Cầu Trại xã Trung Văn, huyện Từ Liêm.

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà 6 Hà Nội được quyền đầu tư tòa nhà trên diện tích 2.200 m² đất với sự cam kết của Công ty TNHH Viễn Tin Hà Nội đảm bảo các chỉ tiêu quy hoạch được sở kiến trúc Hà Nội phê duyệt. Tổng giá trị góp vốn theo hợp đồng vào Dự án của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà 6 Hà Nội là 48.400.000.000 đồng.

(3) Đầu tư theo Hợp đồng Liên Danh số 01/2017/HĐ-LD ngày 02/5/2017 gồm:

Công ty CP Đầu tư PT Nhà số 6 Hà Nội cam kết góp : 29% trong tổng vốn đầu tư của bên liên danh;

Công ty CP Đầu tư BĐS và cơ sở hạ tầng Nhân Việt cam kết góp : 37,5% vốn;

Công ty TNHH Viễn tin Hà Nội cam kết góp : 15% tổng số vốn LD;

Công ty CP VinacapitalGroup cam kết góp 13,5% vốn LD;

Công ty Cổ phần công nghiệp Châu Á cam kết góp 5% vốn LD.

Nội dung đầu tư:

Lập và thực hiện dự án lập quy hoạch vùng và xây dựng chuyển giao công trình giao thông bắt đầu từ đoạn cuối đường Lê Duẩn đến nam cầu An Hải và tuyến đường ven biển đoạn từ K 1293/QL1 đến Bắc cầu An Hải tại thành phố Tuy hòa, huyện Tuy An, huyện Đông Hòa, huyện Sông cầu, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Thành viên đứng đầu liên Danh là: Công ty CP Đầu tư BĐS và cơ sở hạ tầng Nhân Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2019		01/01/2019	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	42.049.664.280	42.049.664.280	46.069.545.533	46.069.545.533
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hà Nội	3.727.000.000	3.727.000.000	3.727.000.000	3.727.000.000
Công ty CP Tập đoàn địa ốc Viễn Đông	7.259.429.000	7.259.429.000	7.259.429.000	7.259.429.000
Các đối tượng khác	31.063.235.280	31.063.235.280	35.083.116.533	35.083.116.533
Tổng	42.049.664.280	42.049.664.280	46.069.545.533	46.069.545.533

5.14 Người mua trả trước

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ban quản lý dự án Đầu tư và XD EMICO	4.851.530.837	4.851.530.837
Bé Thị Trà My - ECL	2.167.000.000	2.167.000.000
Công ty cổ phần BIGFA	5.156.793.024	-
Các đối tượng khác	5.530.562.538	3.415.897.041
Tổng	17.705.886.399	10.434.427.878

5.15 Thuế và các khoản phải nộp, Phải trả Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2019
	Phải nộp	9.711.791.347	9.733.725.892	10.060.681.645
Thuế giá trị gia tăng	7.440.245.319	1.789.214.909	1.884.699.628	7.344.760.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp	842.970.833	1.553.693.683	1.781.788.460	614.876.056
Thuế thu nhập cá nhân	1.426.335.195	121.705.588	122.841.845	1.425.198.938
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	420.761.102	420.761.102	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.240.000	5.848.350.610	5.850.590.610	-
Phải thu	6.644.125.422	2.359.796.361	70.483.592	4.354.812.653
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.644.125.422	2.359.796.361	-	4.284.329.061
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	70.483.592	70.483.592

5.16 Chi phí phải trả

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước giá vốn	1.670.065.153	1.235.290.300
Chi phí khác	-	224.267.211
Tổng	1.670.065.153	1.459.557.511

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.17 Phải trả khác

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	58.075.095.917	64.002.062.873
Kinh phí công đoàn	482.175.520	540.932.957
Bảo hiểm xã hội	63.264.429	-
Bảo hiểm y tế	10.723.566	-
Bảo hiểm thất nghiệp	4.961.916	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.533.394.000	5.533.394.000
Phải trả, phải nộp khác	51.980.576.486	57.927.735.916
<i>Phải trả các xí nghiệp, đội xây lắp</i>	-	9.176.599.069
<i>Phải trả khác</i>	51.980.576.486	48.751.136.847
Dài hạn	117.157.310.231	91.357.310.231
Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh từ Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hà Nội theo Liên doanh XL nhà C1 Trung Hòa Nhân chính (dự án C1 Trung Hòa- Nhân Chính)	86.159.088.456	86.159.088.456
Nhận vốn góp hợp tác kinh doanh từ Công ty CP Đại Hải Hà theo Hợp đồng số 12/2009 (dự án C2 Trung Hòa- Nhân Chính)	500.000.000	500.000.000
Nhận vốn góp kinh doanh từ Công ty CPTM Đầu tư DTT VN	9.200.000.000	4.000.000.000
Nhận vốn góp kinh doanh từ cá nhân DAHTKT khu biệt thực số 1 Cái Dầm	550.000.000	550.000.000
Đào Công Duy	20.600.000.000	-
Các khoản khác	148.221.775	148.221.775
Tổng	175.232.406.148	155.359.373.104

5.18 Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
Ngắn hạn	-	21.208.000
Doanh thu nhận trước	-	21.208.000
Dài hạn	128.178.705.551	196.275.325.635
Doanh thu nhận trước	128.178.705.551	196.275.325.635
Tổng	128.178.705.551	196.296.533.635

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Phát sinh trong kỳ				Số có khả năng trả nợ	Số có khả năng trả nợ
	30/6/2019	01/01/2019	Tăng	Giảm		
Vay ngắn hạn	49.806.745.000	49.806.745.000	28.700.000.000	57.720.000.000	78.826.745.000	78.826.745.000
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Châu Á (1)	-	-	-	1.300.000.000	1.300.000.000	1.300.000.000
Vay đối tượng khác (5)	49.806.745.000	49.806.745.000	28.700.000.000	56.420.000.000	77.526.745.000	77.526.745.000
Vay dài hạn	45.212.000.000	45.212.000.000	38.500.000.000	1.152.000.000	7.864.000.000	7.864.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Cầu Giấy (2)	1.912.000.000	1.912.000.000	-	552.000.000	2.464.000.000	2.464.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đa (3)	4.800.000.000	4.800.000.000	-	600.000.000	5.400.000.000	5.400.000.000
Bùi Long Hải (4)	38.500.000.000	38.500.000.000	38.500.000.000	-	-	-
Tổng	95.018.745.000	95.018.745.000	67.200.000.000	58.872.000.000	86.690.745.000	86.690.745.000

(1) Hợp đồng nguyên tắc vay ngày 15/01/2012, giữa Công ty Cổ phần công nghiệp Châu Á và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà số 6 Hà Nội, Nội dung Vay bổ sung vốn lưu động, lãi suất theo từng thời điểm hai bên thỏa thuận, khi đến hạn trả hai bên tiếp tục gia hạn, thời gian gia hạn hiện tại đến hết ngày 31/12/2018. Số dư tại thời điểm 30/6/2019 Công ty đã trả hết nợ.

(2) Hợp đồng tín dụng số 52/2016/HĐTD ngày 22/3/2016, nội dung vay mua ô tô, thời gian vay 60 tháng, lãi suất theo quy định của Ngân hàng theo từng lần giải ngân. Số dư tại thời điểm 30/6/2018 là 1.912.000.000 đồng.

(3) Hợp đồng tín dụng số HĐTD11201885 ngày 26/3/2018, số tiền vay là 6.000.000.000 đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn thanh toán mua sàn văn phòng theo hợp đồng chuyển nhượng số 232 C1/HĐCNVP/HANDICO6 ngày 28/12/2017 giữa CTCP Đầu tư và phát triển Nhà số 6 Hà Nội và CTCP Dịch vụ Thương mại và Sàn BĐS Handico 6. Thời hạn vay: 5 năm kể từ ngày tiếp theo của ngày ngân hàng giải ngân lần đầu tiên. Lãi suất: theo quy định của ngân hàng tại thời điểm giải ngân, áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần vào ngày 15 tháng phải điều chỉnh, số dư tại ngày 30/6/2019 là 4.800.000.000 đồng.

(4) Hợp đồng vay số 01/2019/HĐVTS ngày 15/3/2019 giữa ông Bùi Long Hải và Công ty Cổ phần Đầu tư PT Nhà số 6 Hạ Long, tổng giá trị hợp đồng cho vay 200.000.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 1%/năm, và được khuyến khích tham gia các dự án mà Công ty đầu tư; số dư khoản vay đến ngày 30/6/2019 là 38.500.000.000 đồng.

(5) Vay đối tượng khác là vay cá nhân trong Công ty theo lãi suất thỏa thuận từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.20 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XD CB	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2018	144.000.000.000	1.303.275.917	14.181.567.581	170.545.763	36.374.782.297	252.827.514.532	600.554.792	449.458.240.882
Tăng trong năm	-	-	1.830.860.513	522.376.873	10.436.898.991	26.672.909.068	689.929.333	40.152.974.778
Lãi	-	-	-	-	10.436.898.991	-	289.661.152	10.726.560.143
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.830.860.513	522.376.873	-	-	-	2.353.237.386
Tăng khác	-	-	-	-	-	26.672.909.068	400.268.181	27.073.177.249
Giảm trong năm	-	-	-	-	28.056.950.954	278.019.295.513	-	306.076.246.467
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	5.247.998.881	-	-	5.247.998.881
Chi cổ tức	-	-	-	-	21.600.000.000	-	-	21.600.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	1.208.952.073	278.019.295.513	-	279.228.247.586
Số dư tại 31/12/2018	144.000.000.000	1.303.275.917	16.012.428.094	692.922.636	18.754.730.334	1.481.128.087	1.290.484.125	183.534.969.193
Số dư tại 01/01/2019	144.000.000.000	1.303.275.917	16.012.428.094	692.922.636	18.754.730.334	1.481.128.087	1.290.484.125	183.534.969.193
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	9.309.230.233	-	31.020.314.709	40.329.544.942
Lãi	-	-	-	-	9.309.230.233	-	1.020.314.709	10.329.544.942
Tăng khác (LICĐKKS tại ngày mua)	-	-	-	-	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	15.123.880.044	57.951.799	-	15.181.831.843
Lỗ tại ngày hợp nhất	-	-	-	-	12.950.000.000	-	-	12.950.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	2.173.880.044	57.951.799	-	2.231.831.843
Số dư tại 30/6/2019	144.000.000.000	1.303.275.917	16.012.428.094	692.922.636	12.940.080.523	1.423.176.288	32.310.798.834	208.682.682.292

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	30/6/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn Nhà nước	24.602.450.000	24.602.450.000
Vốn góp của các cổ đông khác	119.397.550.000	119.397.550.000
Tổng	144.000.000.000	144.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	144.000.000.000	144.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	144.000.000.000	144.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		21.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		1.830.860.513
Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.894.761.495

d. Cổ phiếu

	30/6/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.400.000	14.400.000
Cổ phiếu phổ thông	14.400.000	14.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.400.000	14.400.000
Cổ phiếu phổ thông	14.400.000	14.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.21 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018
	VND	VND
Doanh thu xây lắp	6.838.010.156	11.061.086.724
Doanh thu kinh doanh và cho thuê Bất động sản	74.571.601.247	83.700.422.310
Doanh thu khác	25.988.526.038	16.012.548.373
Tổng	107.398.137.441	110.774.057.407

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.22 Giá vốn hàng bán

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Giá vốn xây lắp	10.735.259.726	10.718.563.693
Giá vốn kinh doanh và cho thuê Bất động sản	50.919.464.980	58.991.445.921
Giá vốn khác	21.652.458.859	7.613.262.798
Tổng	83.307.183.565	77.323.272.412

5.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	49.000.979	833.725.995
Lãi bán các khoản đầu tư	5.962.743.897	-
Lãi trả chậm	-	2.856.507.000
Tổng	6.011.744.876	3.690.232.995

5.24 Chi phí tài chính

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lãi tiền vay	2.440.887.808	2.655.109.870
Tổng	2.440.887.808	2.655.109.870

5.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Chi phí quản lý		
Chi phí nhân viên quản lý	5.740.266.832	6.071.405.855
Chi phí vật liệu quản lý	163.935.615	83.898.446
Chi phí đồ dùng văn phòng	46.711.818	88.348.407
Chi phí khấu hao TSCĐ	775.855.157	813.013.384
Thuế phí và lệ phí	102.151.879	414.896.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	268.919.816	115.810.940
Chi phí bằng tiền khác	1.709.949.600	1.804.872.934
Tổng	8.807.790.717	9.392.246.717

5.26 Thu nhập/chi phí khác

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	-	242.318.182
Cho thuê văn phòng, máy móc	642.727.273	1.086.488.681
Thu nhập khác	1.192.269.000	148.867.515
Tổng	1.834.996.273	1.477.674.378
Chi phí khác		
Giá trị còn lại Tài sản thanh lý	-	95.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê	-	119.374.998
Khấu hao TSCĐ có nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng	389.904.240	389.904.240
Các khoản truy thu thuế, phạt về thuế	5.848.350.610	-
Chi phí khác	90.000.000	-
Tổng	6.328.254.850	604.279.238
Thu nhập khác thuần/chi phí khác (thuần)	(4.493.258.577)	873.395.140

5.27 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.031.216.708	5.351.379.066
Tổng	4.031.216.708	5.351.379.066

5.28 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	9.309.230.233	20.396.563.860
Các khoản điều chỉnh		
<i>Điều chỉnh giảm do trích quỹ KTPL</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	9.309.230.233	20.396.563.860
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	14.400.000	14.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	646,47	1.416,43

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ SỐ 6 HÀ NỘI

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN/HN

5.29 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.446.448.834	1.920.191.007
Chi phí nhân công	7.879.284.468	7.014.583.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.025.182.608	1.405.476.471
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.082.927.277	6.649.162.809
Chi phí khác bằng tiền	7.435.362.519	2.880.393.888
Tổng	27.869.205.706	19.869.807.267

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành		Lương và thù lao	684.600.000	1.129.287.706
Tổng			684.600.000	1.129.287.706

Số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu				
Công ty Cổ phần Tân Phú Long	Công ty liên kết	Cho vay, phải thu khách hàng, thu khác	318.338.033	466.410.641
Công ty CP Bất Động sản Land 6	Công ty liên kết	Trả trước cho người bán	30.109.200.565	41.623.489.081
Phải trả				
Công ty Thương mại và Xây lắp Handico6	Công ty liên kết	Phải trả người bán	1.118.496.043	1.118.496.043

6.2 Thông tin so sánh

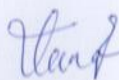
Thông tin so sánh là thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Thu Hằng

Dương Thị Thái Hương

Bế Ngọc Long